

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1932 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Thành Đức

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiên Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2212/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 2753/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 09/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà D M P, sinh năm 1987;

Địa chỉ: 188/16/8 Tô Ngọc Vân, phường Linh Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bị đơn: Ông T Q T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 833/9 Kha Vạn Cân, khu phố 2, phường Linh Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai bà Diệp Mỹ Phương trình bày:

Bà P và ông TQT tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, bà về sinh sống với gia đình bên chồng tại địa chỉ số: 833/9 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống dần nảy sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không thể chia sẻ

và luôn có những bất đồng trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Nguyên nhân theo bà là do ông T không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con, mà thường xuyên tụ tập ăn chơi, cờ bạc; bà và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình. Đôi lần ông T còn đánh bà. Từ tháng 3/2017 cho đến nay ông T bỏ nhà đi đâu không rõ. Bà và gia đình hai bên đã tìm kiếm, liên lạc điện thoại cũng như đăng báo tìm kiếm nhưng vẫn không có thông tin gì về ông T.

Tháng 7/2019 bà P có nộp đơn yêu cầu tuyên bố ông TQT mất tích, vụ việc đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức giải quyết tại Quyết định số 14/2020/QĐST-DS ngày 12/02/2020, tuyên bố ông TQT mất tích. Nay bà Phương xác định tình cảm vợ chồng với ông T không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông TQT.

- Về con chung: Bà P và ông T có 01 người con chung tên TDBT, sinh ngày 04/01/2010. Nay ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; bà Phương không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có.

Bị đơn ông TQT vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Thủ Đức trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về mặt tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà DMP được ly hôn với ông TQT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn bà DMP khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông TQT, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; ông TQT có địa chỉ cuối cùng tại quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn: bà DMP có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông TQT đã bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức tuyên bố mất tích theo Quyết định số 14/2020/QĐST-DS ngày 12/02/2020, vì vậy Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[2]Về nội dung: Bà P và ông TQT tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân: Gia đình bà P và ông sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, luôn căng thẳng, bà P cho rằng do T không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con, mà thường xuyên tụ tập ăn chơi, cờ bạc; bà và gia đình hai bên đã nhiều

lần khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình, đôi lần ông T còn đánh bà. Từ tháng 3/2017 cho đến nay ông T bỏ nhà đi đâu không rõ. Tháng 7/2019 bà P có nộp đơn yêu cầu tuyên bố ông TQT mất tích, vụ việc đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức giải quyết tại Quyết định số 14/2020/QĐST-DS ngày 12/02/2020, tuyên bố ông TQT mất tích, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 yêu cầu ly hôn của bà P là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên TDBT, sinh 04/01/2010, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, bà P tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu trên là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P xác định không có.

Từ những nhận định trên thì trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Bà P phải chịu án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức);

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 54, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật Phí và lệ phí;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà DMP.

Về quan hệ hôn nhân: Bà DMP được ly hôn với ông TQT.

Giấy chứng nhận kết hôn số 173, ngày 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường Linh Tây, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/2007, không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung tên TDBT, sinh 04/01/2010 cho bà DMP trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận bà P không yêu cầu ông TQT cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Bà P xác định không có.

Về nợ chung: Bà P xác định không có.

2/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà DMP phải chịu là: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số AA/2019/0056969, ngày 15/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), bà Phương đã nộp xong án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục THA DS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;

-

Lưu:

Hồ

sơ;

- Vp.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thành Đức

